

Số: 1998 /QĐ-UBND

Quảng Ninh, ngày 04 tháng 6 năm 2018

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt điều chỉnh Quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2.000
Khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao
tại xã Hồng Thái Tây và xã Hoàng Quế, thị xã Đông Triều**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NINH

Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương số 77/2015/QH13 ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014; Luật Quy hoạch đô thị số 30/2009/QH12 ngày 17/6/2009;

Căn cứ Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/05/2015 của Chính phủ Quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng; Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010 của Chính phủ về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị;

Căn cứ Quyết định số 575/QĐ-TTg ngày 04/5/2015 của Thủ tướng Chính phủ “V/v phê duyệt quy hoạch tổng thể khu và vùng nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao đến năm 2020, định hướng đến năm 2030”;

Căn cứ Quyết định số 2333/QĐ-UBND ngày 25/7/2016 của UBND tỉnh “V/v phê duyệt Quy hoạch chung xây dựng thị xã Đông Triều đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050”;

Căn cứ Quyết định số 2998/QĐ-UBND ngày 08/10/2015 của UBND tỉnh “V/v phê duyệt chủ trương đầu tư dự án Nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao Vineco Quảng Ninh”;

Căn cứ Quyết định 2939/QĐ-UBND ngày 12/9/2016 của UBND tỉnh “V/v phê duyệt Quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2.000 điều chỉnh, mở rộng Khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao tại xã Hồng Thái Tây và Hoàng Quế, thị xã Đông Triều”;

Căn cứ công văn số 1987/UBND-NLN3 ngày 03/04/2018 của UBND tỉnh “V/v hoàn thiện hồ sơ đề án thành lập Khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao tỉnh Quảng Ninh”; công văn số 1479/UBND-NLN3 ngày 14/03/2018 của UBND tỉnh “V/v hoàn thiện hồ sơ đề án thành lập Khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao tỉnh Quảng Ninh”;

Căn cứ Quyết định số 1889/QĐ-UBND ngày 29/5/2018 của UBND tỉnh “V/v phê duyệt Nhiệm vụ điều chỉnh Quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2.000 Khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao tại xã Hồng Thái Tây và xã Hoàng Quế, thị xã Đông Triều”;

Xét đề nghị của Sở Xây dựng tại Tờ trình số 190/TTr-SXD ngày

21/5/2018, đề nghị của UBND thị xã Đông Triều tại công văn số 950/UBND ngày 07/5/2018.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Điều chỉnh Quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2.000 Khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao tại xã Hồng Thái Tây và xã Hoàng Quế, thị xã Đông Triều với những nội dung chính như sau:

1. Nội dung, lý do điều chỉnh quy hoạch:

- Nội dung điều chỉnh: Điều chỉnh ranh giới, giảm diện tích từ 2.015.718,07 m² thành 1.091.572,17m² (giảm 924.145,90m²); điều chỉnh cục bộ hướng tuyến đường tránh phía Nam thị xã Đông Triều tiến về phía Nam để không cắt qua Khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao; điều chỉnh cục bộ hệ thống hạ tầng kỹ thuật và tính toán xác định lại nhu cầu, chỉ tiêu sử dụng hệ thống hạ tầng của khu quy hoạch cho phù hợp với quy mô diện tích điều chỉnh quy hoạch.

- Lý do điều chỉnh: Để phù hợp với quy mô, diện tích theo Quyết định số 575/QĐ-TTtr ngày 03/5/2015 của Thủ tướng Chính phủ “V/v phê duyệt quy hoạch tổng thể khu và vùng nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao đến năm 2020, định hướng đến năm 2030”; đảm bảo hoạt động sản xuất, quản lý của Khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao không bị ảnh hưởng, gián đoạn liên quan đến định hướng quy hoạch, các công trình, dự án hạ tầng chung của thị xã Đông Triều.

2. Nội dung chính quy hoạch:

2.1. Phạm vi ranh giới, diện tích:

a) Phạm vi ranh giới: Điều chỉnh ranh giới trên cơ sở quy hoạch phân khu đã được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 2939/QĐ-UBND ngày 12/9/2016; các giới hạn như sau:

- Phía Bắc giáp Quốc lộ 18.
- Phía Nam giáp đất nông nghiệp xã Hồng Thái Tây và tuyến đường tránh Quốc lộ 18 theo định hướng quy hoạch chung.
- Phía Đông giáp đất nông nghiệp và khu dân cư hiện hữu.
- Phía Tây giáp đất nông nghiệp xã Hoàng Quế.

2. Diện tích: Điều chỉnh giảm diện tích từ 2.015.728,07m² thành 1.091.572,17m²; trong đó:

- Khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao: 980.081,98m²
- Diện tích cập nhật, đầu nối ngoài Khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao 111.372,63m² (Chùa Ngọc Lâm, hành lang đường ống dầu, tuyến băng tải than).

2.2. Tính chất, mục tiêu:

a. Tính chất:

- Là khu vực canh tác, sản xuất các sản phẩm nông nghiệp ứng dụng các

tiến bộ khoa học kỹ thuật tiên tiến trong chăn nuôi, trồng trọt nhằm tạo ra các sản phẩm nông nghiệp chất lượng, giá thành phù hợp;

- Là nơi nghiên cứu, tổ chức các hoạt động khoa học và công nghệ trong lĩnh vực nông nghiệp (nghiên cứu ứng dụng, thử nghiệm, trình diễn mô hình sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao chủ yếu trong trồng trọt, chăn nuôi, thủy sản; chuyển giao công nghệ cao trong lĩnh vực nông nghiệp...); hoạt động sản xuất, kinh doanh, dịch vụ (sản xuất sản phẩm nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao; tổ chức hội chợ, triển lãm, giới thiệu sản phẩm nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao; thực hiện dịch vụ công nghệ trong nông nghiệp, dịch vụ cung ứng vật tư, thiết bị và tiêu thụ sản phẩm...); đào tạo nhân lực công nghệ cao trong nông nghiệp.

b. Mục tiêu:

- Xây dựng vùng sản xuất tập trung ứng dụng công nghệ cao trong sản xuất nông nghiệp với quy mô lớn, chất lượng sản phẩm nông nghiệp đạt tiêu chuẩn sạch, an toàn vệ sinh thực phẩm, đạt các tiêu chí dự án ứng dụng công nghệ cao trong nông nghiệp; góp phần thực hiện các mục tiêu Chương trình phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao đến năm 2020 được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 1895/QĐ-TTg ngày 17/12/2012.

- Đầu tư xây dựng đồng bộ các công trình Khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao Vineco Quảng Ninh theo tiêu chuẩn Global G.A.P.

- Cung cấp nguồn nông sản chất lượng với giá thành hợp lý, sản lượng cao cho thị trường; cung cấp những công nghệ và kỹ thuật sản xuất mới nhất; tạo việc làm ổn định cho người nông dân trong vùng.

2.3. Quy hoạch các phân khu:

- Khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao quy hoạch, bố trí các khu chức năng: Khu A, B, C, D); giữa các khu là các công trình hạ tầng hiện trạng, các trục đường chính và đường giao thông đối ngoại theo định hướng quy hoạch chung; cụ thể như sau:

+ Khu A ở phía Bắc, tiếp giáp với Quốc lộ 18; gồm các chức năng: Trung tâm hành chính; dịch vụ, đào tạo, chuyển giao công nghệ, trình diễn và giới thiệu sản phẩm; khu đầu tư sản xuất (nhà kính, trồng rau, bảo quản chế biến,...) và công trình hạ tầng phục vụ sản xuất.

+ Khu B ở phía Tây Nam; gồm khu đầu tư sản xuất, trình diễn mô hình sản xuất sản phẩm nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao và công trình hạ tầng phục vụ sản xuất.

+ Khu C ở phía Tây Bắc; gồm khu đầu tư sản xuất (trồng rau và công trình hạ tầng phục vụ sản xuất).

+ Khu D ở phía Đông Nam; gồm khu đầu tư sản xuất (trồng cây ăn quả, hoa, cây cảnh...), trình diễn mô hình sản xuất sản phẩm nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao và công trình hạ tầng phục vụ sản xuất.

- Các khu được bố trí trên nguyên tắc tôn trọng các đặc điểm hiện trạng về sử dụng đất, các điều kiện tự nhiên và thổ nhưỡng của từng lô đất đảm bảo phù

hợp với mục tiêu và tính chất sử dụng; các khu vực canh tác sản xuất bố trí theo các ô lớn, khai thác các lợi thế sẵn có, đảm bảo phù hợp với mục tiêu đầu tư và đặc tính của từng loại cây trồng.

- Khu vực công cộng và các công trình phục vụ sản xuất như được bố trí tại các vị trí thuận lợi về giao thông, tạo điều kiện tối đa cho mục đích quản lý, khai thác sử dụng.

- Hệ thống giao thông bao gồm hệ thống đường giao thông chính kết nối các khu vực chức năng; hệ thống giao thông nội đồng kết nối từ các tuyến giao thông chính đến từng khu vực canh tác sản xuất nông nghiệp; khai thác tối đa hệ thống đường giao thông hiện trạng, cải tạo và nâng cấp các tuyến đường hiện có đảm bảo cho mục đích sản xuất và khai thác nông nghiệp.

2.4. Quy hoạch sử dụng đất:

a. Bảng cơ cấu sử dụng đất toàn khu quy hoạch:

Stt	Loại đất	Diện tích (m ²)	Tỷ lệ (%)
A	Khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao	980.081,98	89,79
I	Khu trung tâm hành chính	23.470,65	2,15
1.1	Khu trụ sở làm việc, nghiên cứu ứng dụng, thử nghiệm và trình diễn mô hình sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao	11.930,69	
1.2	Khu dịch vụ, đào tạo, chuyển giao công nghệ, trình diễn và giới thiệu sản phẩm nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao	11.539,96	
II	Khu đầu tư sản xuất sản phẩm nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao	851.386,51	78,00
2.1	Khu nhà kính	40.787,64	
2.2	Khu cách ly nhà kính	24.192,17	
2.3	Khu điều hành nhà kính	6.277,14	
2.4	Khu trồng rau	342.517,73	
2.5	Khu trồng cây ăn quả, hoa, cây cảnh	135.277,61	
2.6	Khu trình diễn mô hình sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao	280.772,92	
2.7	Khu bảo quản chế biến	13.344,05	
2.8	Khu ủ phân vi sinh	8.217,25	
III	Đất hạ tầng phục vụ sản xuất	105.224,81	9,64
3.1	Hồ cấp nước	9.914,01	
3.2	Khu xử lý nước thải và tập kết chất thải rắn	8.214,22	
3.3	Đất giao thông	87.096,59	
B	Đất ngoài khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao	111.490,20	10,21
	Tổng	1.091.572,17	100,00

b. Bảng chỉ tiêu kỹ thuật các khu chức năng và các lô đất quy hoạch:

Stt	Danh mục đất, khu chức năng	Ký hiệu	Diện tích (m ²)	Mật độ XD (%)	Tầng cao (tầng)
	Khu A		454.364,89		
A.1	Khu trung tâm hành chính		23.470,65		
1	Khu trụ sở làm việc	A-TSLV	11.930,69	40	04
2	Khu dịch vụ	A-DV	11.539,96	40	04
A.2	Khu đầu tư sản xuất		377.219,60		
1	Khu nhà kính		40.787,64		
-	Khu nhà kính 01	A-NK-01	7.118,16	85	01
-	Khu nhà kính 02	A-NK-02	6.733,90	85	01
-	Khu nhà kính 03	A-NK-03	6.733,90	85	01
-	Khu nhà kính 04	A-NK-04	6.733,90	85	01
-	Khu nhà kính 05	A-NK-05	6.733,90	85	01
-	Khu nhà kính 06	A-NK-06	6.733,90	85	01
2	Khu cách ly nhà kính	A-CLNK	24.192,17	-	-
3	Khu điều hành nhà kính	A-DHNC	6.277,14		
4	Khu trồng rau		292.618,60	-	-
-	Khu trồng rau 01	A-TR-01	25.832,28	-	-
-	Khu trồng rau 02	A-TR-02	13.314,44	-	-
-	Khu trồng rau 03	A-TR-03	13.475,22	-	-
-	Khu trồng rau 04	A-TR-04	22.947,54	-	-
-	Khu trồng rau 05	A-TR-05	26.266,62	-	-
-	Khu trồng rau 06	A-TR-06	25.822,02	-	-
-	Khu trồng rau 07	A-TR-07	24.701,06	-	-
-	Khu trồng rau 08	A-TR-08	27.735,90	-	-
-	Khu trồng rau 09	A-TR-09	34.037,68	-	-
-	Khu trồng rau 10	A-TR-10	70.268,59	-	-
-	Khu trồng rau 11	A-TR-11	8.217,25	-	-
5	Khu bảo quản chế biến	A-SCPT	13.344,05	85	-
A.3	Đất hạ tầng phục vụ sản xuất		50.476,62		
1	Hồ cấp nước 01	A-HN-01	2.465,95	-	-
2	Đất giao thông		48.010,67	-	-
-	Đường giao thông chính		22.641,69	-	-
-	Đường giao thông nội đồng		25.368,98	-	-
	Khu B		329.427,75		
B.1	Khu đầu tư sản xuất		284.309,02		
1	Khu trồng cây ăn quả, hoa, cây cảnh		106.081,40	-	-
-	Khu trồng cây ăn quả, hoa, cây cảnh 01	B-CLN-01	59.704,37	-	-
-	Khu trồng cây ăn quả, hoa, cây cảnh 02	B-CLN-02	46.377,02	-	-
2	Khu trình diễn mô hình sản xuất		170.010,37	-	-

-	Khu trình diễn 01	B-TD-01	31.701,26	-	-
-	Khu trình diễn 02	B-TD-02	28.580,73	-	-
-	Khu trình diễn 03	B-TD-03	23.523,86	-	-
-	Khu trình diễn 04	B-TD-04	15.598,25	-	-
-	Khu trình diễn 05	B-TD-05	29.091,88	-	-
-	Khu trình diễn 06	B-TD-06	33.400,42	-	-
-	Khu trình diễn 07	B-TD-07	8.113,97	-	-
3	Khu ủ phân vi sinh	B-UPVS	8.217,25	85	-
B.2	Đất hạ tầng phục vụ sản xuất		45.118,73	-	-
1	Hồ cấp nước		4.250,04	-	-
-	Hồ cấp nước 01	B-HN-01	1.929,52	-	-
-	Hồ cấp nước 02	B-HN-02	2.320,52	-	-
2	Khu XLNT, tập kết CTR	B-HTKT	8.214,22		
3	Đất giao thông		32.654,47	-	-
-	Đường giao thông chính		13.981,67	-	-
-	Đường giao thông nội đồng		18.672,80	-	-
	Khu C		50.974,55		
C.1	Khu đầu tư sản xuất		49.899,13	-	-
1	Khu trồng rau 01	C-TR-01	27.064,88	-	-
2	Khu trồng rau 02	C-TR-02	22.834,25	-	-
C.2	Đất hạ tầng phục vụ sản xuất		1.075,42	-	-
1	Đường giao thông chính		0,00	-	-
2	Đường giao thông nội đồng		1.075,42	-	-
	Khu D		145.314,78		
D.1	Khu đầu tư sản xuất		139.958,76	-	-
1	Khu trồng cây ăn quả, hoa, cây cảnh		29.196,21	-	-
-	Khu trồng 01	D-CLN-01	12.628,87	-	-
-	Khu trồng 02	D-CLN-02	16.567,34	-	-
2	Khu trình diễn mô hình sản xuất		110.762,55	-	-
-	Khu trình diễn 01	D-TD-01	19.001,60	-	-
-	Khu trình diễn 02	D-TD-02	29.190,88	-	-
-	Khu trình diễn 03	D-TD-03	13.276,32	-	-
-	Khu trình diễn 04	D-TD-04	32.043,80	-	-
-	Khu trình diễn 05	D-TD-05	17.249,94	-	-
D.2	Đất hạ tầng phục vụ sản xuất		5.356,02		
1	Hồ cấp nước	D-HN-01	3.198,02	-	-
2	Đất giao thông		5.356,02		
-	Đường giao thông chính		0,00	-	-
-	Đường giao thông nội đồng		5.356,02	-	-
	Tổng		980.081,98		

2.5. Quy hoạch không gian kiến trúc cảnh quan:

a. Khu hành chính trung tâm được bố trí ở phía Bắc giáp Quốc lộ 18. Đây là khu vực có chức năng quản lý và điều hành hoạt động của dự án. Cụm công

trình hành chính trung tâm (Trụ sở làm việc và Khu dịch vụ); kiến trúc khu hành chính trung tâm khai thác yếu tố cảnh quan tự nhiên hiện có, đảm bảo hài hòa, thống nhất với cảnh quan chung của toàn khu vực; là công trình điểm nhấn, kết hợp hình khối kiến trúc hiện đại với bản sắc văn hóa địa phương tạo nên một không gian làm việc lý tưởng, thể hiện tính chất đặc thù của Khu nông nghiệp công nghệ cao

b. Khu đầu tư sản xuất sản phẩm nông nghiệp công nghệ cao:

- Khu nhà kính: Được bao quanh bởi khu cách ly, hạn chế tối đa các ảnh hưởng tiêu cực từ môi trường bên ngoài; là khu vực điểm nhấn, kiến trúc hiện đại, thể hiện được các thành tựu của khoa học kỹ thuật trong việc sản xuất nông nghiệp.

- Khu điều hành nhà kính bố trí tiếp giáp với khu vực nhà kính, tạo điều kiện thuận lợi trong quá trình vận hành; không gian cảnh quan và kiến trúc công trình cần được tổ chức hài hòa, gắn kết với kiến trúc cảnh quan khu nhà kính, tạo nên một tổng thể kiến trúc thống nhất về không gian.

- Khu trồng rau là khu vực có diện tích lớn, trải rộng trên toàn bộ khu đất. Khu vực trồng rau được tổ chức theo các lô lớn, phù hợp với đặc tính của từng loại cây trồng.

- Khu trồng cây ăn quả, hoa, cây cảnh nằm ở vị trí trung tâm của khu đất, có vị trí tiếp giáp với hành lang đường ống dẫn dầu và tuyến băng tải than; là khu vực có mật độ cây xanh tập trung cao, cảnh quan khu vực này tổ chức theo hình thức tự nhiên đồng thời cần tuân thủ các nguyên tắc về vị trí, khoảng cách đối với từng loại cây trồng.

- Khu trình diễn, ứng dụng sản xuất các sản phẩm công nghệ cao được bố trí tại các lô đất phía Đông nam; khu vực này có tuyến băng tải than và tuyến đường tránh Quốc lộ 18 chạy qua nên ưu tiên tổ chức các không gian cách ly, đảm bảo hạn chế tối đa các tác động của môi trường đến khu vực sản xuất.

- Khu bảo quản chế biến tạo sự gắn kết giữa các công trình sản xuất và công trình hạ tầng kỹ thuật với không gian cảnh quan, phát huy tối đa yếu tố cảnh quan tự nhiên.

c. Các công trình hạ tầng kỹ thuật phục vụ sản xuất bố trí phù hợp với tính chất, chức năng của từng loại, đảm bảo các điều kiện phục vụ tốt nhất cho khu vực sản xuất (các công trình hạ tầng kỹ thuật bao gồm các kho bãi, hệ thống xử lý cấp nước, hệ thống xử lý nước thải, hệ thống hồ chứa và kênh mương phục vụ cho việc tưới tiêu); kiến trúc cảnh quan của mỗi công trình cần có sự liên hệ mật thiết tại mỗi khu vực, đảm bảo các yêu cầu về công năng.

2.6. Quy hoạch hạ tầng kỹ thuật:

a. San nền:

- Không chế cao độ nền theo cao độ tuyến đường quốc lộ 18A và tuyến đường tránh phía Nam theo định hướng quy hoạch chung được duyệt; cao độ nền khu vực xây dựng công trình tối thiểu +3,0m; cao độ nền khu vực trồng rau và

cây xanh tối thiểu +0,5m.

- Giải pháp san nền là cao ở giữa lô đất, nước chảy về phía các tuyến đường bao quanh đối với các lô đất có chức năng xây dựng công trình được giới hạn xung quanh là các tuyến đường quy hoạch; các lô đất có chức năng trồng rau và cây xanh san gạt cục bộ, đảm bảo độ dốc có thể tự thoát nước ra hệ thống cống xung quanh lô đất.

b. Thoát nước mưa: Tận dụng địa hình tự nhiên để thoát nước mưa theo nguyên tắc tự chảy; mạng lưới thoát nước phù hợp với hướng dốc san nền và hiện trạng khu vực lân cận; các đường cống có chiều dài ngắn, thời gian thoát nước nhanh, đảm bảo tiêu thoát cho cả lưu vực ngoài phạm vi quy hoạch phù hợp với định hướng thoát nước trong quy hoạch chung, quy hoạch phân khu; hạn chế phát sinh giao cắt giữa hệ thống cống thoát nước mưa với các công trình ngầm khác trong quá trình vạch mạng lưới.

c. Giao thông:

- Giao thông đối ngoại gồm:

- + Tuyến đường tránh phía Nam (mặt cắt 1-1), nằm ngoài ranh giới Khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao với chiều rộng lộ giới là 77,0m (theo định hướng quy hoạch chung thị xã Đông Triều đã được phê duyệt).

- + Tuyến Quốc lộ 18A tại phía Bắc dự án đang đầu tư nâng cấp mở rộng.

- Giao thông nội bộ gồm:

- + Đường chính khu vực (mặt cắt 3-3) có lộ giới 20,0m; trong đó: Mặt đường chính rộng 7,0m x 2 bên; dải phân cách giữa 2,0m; lề đường 2,0m x 2 bên.

- + Đường khu vực (mặt cắt 4A-4A, 4B-4B, 5-5) có lộ giới từ 7,5÷12,5m; trong đó: Mặt đường chính rộng 5,5÷7,5m; vỉa hè hoặc lề 1,0÷5,0m x 2 bên.

- + Đường nội đồng vào khu canh tác (mặt cắt 6-6) rộng 5,5m; trong đó: Mặt đường chính rộng 3,5m; lề đường rộng 1,0m x 2 bên.

d. Cấp nước:

- Tổng nhu cầu dùng nước sinh hoạt và tưới tiêu nông nghiệp khoảng 2.605,0m³/ngđ. Nguồn cấp nước sinh hoạt và nước cho việc sơ chế nông sản chủ yếu được sử dụng nước ngầm, qua trạm xử lý đảm bảo đạt tiêu chuẩn kỹ thuật QCVN.

- Nguồn nước dùng cho tưới tiêu lấy từ nguồn nước mặt tại chỗ thông qua các hồ chứa, hồ lắng, các mương nội đồng và qua trạm xử lý cục bộ để đạt tiêu chuẩn yêu cầu theo quy định.

Xây dựng hệ thống mạng lưới cấp nước phân phối Ø90÷250mm dọc các tuyến đường quy hoạch.

e. Cấp điện:

- Tổng công suất yêu cầu khoảng 629,4kVA. Nguồn cấp điện dự kiến lấy từ đường dây 35kV đi qua khu vực dự án.

- Lưới điện: các tuyến cáp nổi 0,4kV trên cột bê tông cốt thép bố trí dọc theo vỉa hè cấp điện cho công trình; các đường dây 0,4kV cấp cho trạm bơm tưới tiêu nông nghiệp được bố trí nổi trên các cột điện dẫn.

- Trạm biến áp hạ thế: Bố trí 02 trạm biến áp công suất 560kVA và 160kVA.

f. Thông tin liên lạc: Dự kiến được đấu nối từ đường thông tin liên lạc thuộc thành phố chạy qua tuyến Quốc lộ 18A; tổng nhu cầu khoảng 218 line; chọn tủ cáp 250 line.

g. Thoát nước thải:

- Xây dựng hệ thống thoát nước thải riêng; nước thải được thu gom và xử lý sơ bộ bằng bể tự hoại sau đó được thu gom vào hệ thống cống dẫn nước thải về 1 trạm xử lý được xây dựng ở khu hạ tầng kỹ thuật ở phía Nam của dự án; nước thải sau khi được xử lý đảm bảo các điều kiện vệ sinh môi trường sẽ được tuần hoàn sử dụng làm nước tưới tiêu.

- Hệ thống cống thoát nước thải được thiết kế xây dựng là các đường cống HDPE D200÷315; tại các vị trí cống giao nhau, cống thay đổi về đường kính, độ dốc và trên các đoạn cống dài có đặt giếng thăm để tiện lợi cho việc quản lý.

- Trạm bơm sử dụng máy bơm thả chìm, đặt trong hố ga kín có ống thông hơi.

- Trạm xử lý nước thải sinh hoạt, sản xuất:

+ Xây dựng hệ thống tiêu thoát nước riêng cho nước thải sinh hoạt và sản xuất. Toàn bộ lượng nước thải sinh hoạt của khối nhà văn phòng, nghiên cứu sẽ được thu gom toàn bộ về trạm xử lý nước thải công suất $Q = 750\text{m}^3/\text{ngđ}$, đặt tại phía Nam của khu đất, trước khi tiêu thoát ra hệ thống thoát nước chung của khu vực.

+ Trạm xử lý được xây dựng là hệ thống bể xây ngầm đặt tại lô B-HTKT trên bản đồ; nước thải được xử lý bằng công nghệ làm sạch sinh học nhân tạo; nước thải sau khi được xử lý đạt loại B theo QCVN 14:2008/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt.

h. Vệ sinh môi trường:

- Đối với khu vực văn phòng làm việc, nghiên cứu: chất thải rắn sinh hoạt khoảng 200kg/ng.đ, đặt các thùng đựng chất thải rắn tại mỗi tầng của khối nhà, thuận tiện cho việc thu gom chất thải rắn; chất thải rắn được thu gom từ các thùng chứa rác chuyên dụng sau đó được vận chuyển đi xử lý tại điểm xử lý chung của huyện.

- Đối với khu chế biến, bảo quản cần đặt các thùng đựng chất thải rắn xung quanh khu vực, liên tục thu gom, vận chuyển.

- Đối với các khu vực nghiên cứu, ứng dụng trồng trọt, sản xuất chất thải sản xuất chủ yếu là sản phẩm phụ cây trồng; chất thải hữu cơ dễ phân hủy như lá, thân cây rau, hoa được thu gom, chôn lấp hoặc xử lý làm phân bón cây trồng.

- Bố trí một số trạm trung chuyển chất thải rắn tại các khu vực đất hạ tầng kỹ thuật, có trồng cây xanh cách ly; đảm bảo hoạt động không gây ảnh hưởng tới

môi trường và mỹ quan đô thị.

- Nhà vệ sinh công cộng: Đối với các công trình công cộng, nhà vệ sinh được bố trí tại các công trình.

2.7. Đánh giá môi trường chiến lược:

- Tác động của dự án đến môi trường gồm: Tác động đến môi trường kinh tế - xã hội, môi trường nước, môi trường không khí, môi trường đất, hệ sinh thái khu vực.

- Các biện pháp phòng ngừa, giảm thiểu tác động của môi trường: Lồng ghép mục tiêu bảo vệ môi trường trong các giải pháp quy hoạch; quy định cụ thể nhằm phát triển môi trường bền vững (Bảo vệ môi trường nước mặt, môi trường không khí, môi trường do tiếng ồn, môi trường đất, biện pháp quản lý chất thải rắn).

- Xây dựng kế hoạch quản lý, quan trắc, giám sát tác động môi trường.

Điều 2: Tổ chức thực hiện:

- Công ty TNHH Đầu tư sản xuất phát triển nông nghiệp VinEco phối hợp với UBND thị xã Đông Triều công bố công khai, lưu giữ hồ sơ đồ án điều chỉnh mở rộng quy hoạch và điều chỉnh quy hoạch được duyệt để quản lý, đảm bảo tính liên tục, kế thừa; trong quá trình triển khai xây dựng phải xây dựng hoàn trả các tuyến đường dân sinh và phục vụ canh tác của người dân tại khu vực khi dự án chiếm dụng vào các tuyến đường dân sinh hiện trạng để đảm bảo hoạt động dân sinh, canh tác của người dân tại khu vực chịu ảnh hưởng của dự án.

- Ủy ban nhân dân thị xã Đông Triều:

- + Phối hợp cùng Công ty TNHH Đầu tư sản xuất phát triển nông nghiệp VinEco tổ chức công bố, công khai quy hoạch được duyệt;

- + Phê duyệt Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 các khu chức năng; quản lý giám sát việc đầu tư xây dựng đảm bảo phù hợp và tuân thủ Điều chỉnh Quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2.000 và quy hoạch chi tiết xây dựng được phê duyệt; phối hợp với Công ty TNHH Đầu tư sản xuất phát triển nông nghiệp VinEco thực hiện các biện pháp đảm bảo hoạt động dân sinh, canh tác của người dân tại khu vực chịu ảnh hưởng của dự án (nếu có).

- Sở Xây dựng thực hiện chức năng quản lý Nhà nước về quy hoạch xây dựng theo quy định.

- Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn thực hiện chức năng quản lý Nhà nước về lĩnh vực nông nghiệp; phối hợp, hướng dẫn Công ty TNHH Đầu tư sản xuất phát triển nông nghiệp VinEco hoàn thiện đề án thành lập Khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao tại Quảng.

- Các sở, ngành: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Tài nguyên và Môi trường, Giao thông Vận tải, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thực hiện quản lý nhà nước đối với đồ án quy hoạch được duyệt theo chức năng của ngành; hướng dẫn các Nhà đầu tư triển khai các bước tiếp theo đúng quy định hiện hành theo chức năng, nhiệm vụ được giao.

Điều 3. Các Ông (Bà): Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các sở, ngành: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Xây dựng, Tài nguyên và Môi trường, Giao thông Vận tải, Công Thương, Khoa học Công nghệ, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị xã Đông Triều; Giám đốc Công ty TNHH Đầu tư sản xuất phát triển nông nghiệp VinEco; thủ trưởng các ngành và đơn vị liên quan căn cứ quyết định thi hành./*TL*

Nơi nhận:

- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Như điều 2 (thực hiện);
- Trung tâm Hành chính công;
- V0-V5, QLĐĐ1, XD1-5, TH1;
- Trung tâm Thông tin;
- Lưu: VT, QH1.

20 bản-QĐ 50-06

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



[Signature]

Nguyễn Đức Long